

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Bùi Văn D, sinh năm 1963;

Địa chỉ cư trú: Đường Q, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971;

Địa chỉ cư trú: Đường Q, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số năm 2002, ngày 18 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng.

[2] Theo đơn ghi ngày 05 tháng 3 năm 2021 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 4 năm 2021, ông D và bà L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; quá trình chung sống ông D và bà L có một con chung tên Bùi Thị Huyền D, sinh năm 1994 (đã trưởng thành); về chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông D và bà L thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số năm 2002, ngày 18 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng hết hiệu lực.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông D và bà L phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0028117 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Trần Đăng Tân